

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BÔI
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HSST
Ngày: 29/11/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HÒA BÌNH
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Ngọc Ánh và ông Ngô Trung Tính

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Lương- Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2022/HSST ngày 21/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HS ngày 15/11/2022 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1988 tại Bắc Giang.

Nơi cư trú: **Thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang**

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1959; Con bà **Giáp Thị L**, sinh năm 1964; Vợ **Bùi Thị T**, sinh năm 1990; Có 01 con riêng, sinh năm 2011; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: (Không).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2022 tại nhà tạm giữ **Công an huyện K**, (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh Trần Văn Ý, sinh năm 1992

Nơi cư trú: **thôn K, xã V, huyện K, tỉnh Hòa Bình**, (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1990

Nơi cư trú: **Xóm C, xã C, huyện K, tỉnh Hòa Bình**, (Có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng: Anh Hà Văn A, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình, (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền trả nợ, nên Nguyễn Quốc H được vợ là chị Bùi Thị T đồng ý cho H đem chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen trắng, BKS 28L1-165.85 của mình đem bán lấy tiền trả nợ. Khoảng 16 giờ ngày 11/8/2022 H điều khiển chiếc xe nói trên đi từ nhà bố vợ, địa chỉ xóm C, xã C, huyện K đến cửa hàng mua bán xe máy của anh Trần Văn Ý tại khu S, thị trấn B, huyện K để bán. Đến nơi H gặp anh Hà Văn A là nhân viên bán hàng, H trực tiếp thỏa thuận giá bán xe với anh A giá 12.000.000 (Mười hai triệu đồng). Sau đó anh A gọi điện thoại cho anh Trần Văn Ý là chủ cửa hàng về giá cả mua bán chiếc xe trên, được anh Ý đồng ý. Anh A viết giấy mua bán xe với H và nhận giấy tờ mua bán xe với H. H chuyển số tài khoản của mình cho anh Ý chuyển tiền. Sau khi nhận được tiền, H ngồi lại cửa hàng dùng điện thoại chuyển trả nợ hết số tiền trên thì nhớ còn một khoản nợ khác. H nói với anh A trả thêm 02 triệu đồng nữa, anh A không đồng ý. H trực tiếp liên lạc với anh Ý, được anh Ý trả thêm 01 triệu đồng, tổng cộng là 13.000.000 (Mười ba triệu đồng).

Sau khi nhận đủ số tiền bán xe, H trả hết nợ rồi ngồi lại cửa hàng H đặt vấn đề với anh A cho mượn chìa khóa xe vừa bán để mở cốp lấy lại quyển sổ ghi chép mua bán vật liệu xây dựng của gia đình, được anh A đồng ý giao chìa khóa xe cho H. Lợi dụng lúc anh A đang bán hàng, H mở nắp hộp sắt đựng bánh để lấy lại giấy tờ của chiếc xe vừa bán lên rút dặt xe ra khỏi cửa hàng một đoạn rồi nổ máy đi. Về đến nhà bố vợ, vợ H là chị T có hỏi “Anh làm cái gì mà Công an gọi em lên”, H trả lời, “Anh vừa bán xe 13 triệu đồng, giờ em cho anh 13 triệu để anh gửi lại cho nhà bán xe, lúc anh lấy xe đi không ai ở đây, lên trả nhanh không người ta bảo trộm xe”. Sau đó H tự điều khiển xe quay trở lại cửa hàng mua bán xe của anh Ý để trả thì bị bắt giữ người cùng vật chứng.

Bản kết luận định giá tài sản, số: 22/KL-HĐĐGTS ngày 16/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K, tỉnh Hòa Bình kết luận: Giá trị tài sản chiếc xe mô tô BKS 28L1-165.85 do Hừ trộm cắp trị giá 12.333.333 (Mười hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba đồng).

Cáo trạng số: 40/CT-VKS ngày 20/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Nguyễn Quốc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Phản tranh tụng, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra.

Phản tranh luận: Kiểm sát viên trình bày luận tội, trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân; tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo **Nguyễn Quốc H** phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt **Nguyễn Quốc H** mức án từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Về xử lý vật chứng: Sau khi sự việc xảy ra, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe nói trên cho chủ sở hữu là anh Trần Văn Ý, quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Ý không có yêu cầu gì thêm, nên không đề nghị giải quyết.

Lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử, xử cho bị cáo mức án thấp nhất có thể để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại Trần Văn Ý có đơn xin xét xử vắng mặt. Ý kiến đại diện Viện kiểm sát; bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, vụ án được tiếp tục đưa ra xét xử.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do cần tiền trả nợ, nên vào khoảng 16 giờ ngày 11/8/2022 **Nguyễn Quốc H** được vợ là chị **Bùi Thị T** đồng ý cho đem chiếc xe mô tô của mình đến cửa hàng mua bán xe máy của anh Trần Văn Ý bán lấy số tiền 13.000.000 (Mười ba triệu đồng) để trả nợ. Sau khi nhận đủ số tiền bán xe Hữu ngòi lại cửa hàng một lúc để chuyển khoản trả nợ rồi đặt vấn đề với anh **Hà Văn Á** là nhân viên trực tiếp mua bán xe của anh Ý cho mượn chìa khóa xe để mở cốp lấy lại cuốn sổ ghi chép vật liệu của gia đình. Anh **Á** đồng ý giao chìa khóa xe cho **H**, lợi dụng lúc anh **Á** đang bận bán xe cho khách không để ý, **H** mở hộp đồ lấy lại toàn bộ giấy tờ vừa bán xe rồi lên lút dắt xe ra khỏi cửa hàng một đoạn nổ máy đi. Về đến nhà bố vợ, vợ **H** là chị **T** có hỏi “Anh làm cái gì mà Công an gọi em lên”, **H** trả lời, “Anh vừa bán xe 13 triệu đồng, giờ em

cho anh 13 triệu đồng để anh gửi lại cho nhà bán xe, lúc anh lấy xe đi không ai ở đây, lên trả nhanh không người ta bảo trộm xe”. Sau đó **H** tự điều khiển xe quay trở lại cửa hàng mua bán xe của anh Ý để trả thì bị bắt giữ người cùng vật chứng.

Kết quả định giá tài sản chiếc xe mô tô do **H** trộm cắp trị giá 12.333.333 (Mười hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba ba đồng).

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; lời khai người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; biên bản thu giữ vật chứng; kết quả định giá tài sản và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở kết luận, **Nguyễn Quốc Hữu p** vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo **Nguyễn Quốc H** là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, xong bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

[4]. Về nhân thân; tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề khác liên quan:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Nguyễn Quốc H** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Nguyễn Quốc H** không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; tự nguyện bồi thường một phần khắc phục hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ngoài ra bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên được quy định tại điểm điểm b, h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Nên cần tuyên xử cho bị cáo hình phạt tù có điều kiện (án treo). Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự để trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa cũng đủ giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Về xử lý vật chứng: Việc chị **Bùi Thị T** cho chồng là **Nguyễn Quốc H** chiếc xe mô tô bán lấy tiền trả nợ là hoàn toàn tự nguyện. Chiếc xe mô tô là vật chứng vụ án đã trao trả lại cho người mua là anh Trần Văn Ý. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, chị **T** và anh Ý không có yêu cầu gì. Do vậy, không đề cập giải quyết ở phần quyết định.

[6]. Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Quốc H** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự và khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Quốc H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt **Nguyễn Quốc H** 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2022.

Trong thời gian thử thách, bị cáo **Nguyễn Quốc H** hưởng án treo mà cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo **Nguyễn Quốc H** cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thông báo cho Ủy ban nhân dân xã/phường nơi bị cáo cư trú để Ủy ban nhân dân xã/phường thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự theo đúng quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo **Nguyễn Quốc H** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2022; Bị hại (anh Trần Văn Ý) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh HB;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Công an huyện Kim Bôi;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Kim Bôi;
- UBND xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo Nguyễn Quốc Hữu;
- Bị hại (Trần Văn Ý);
- Người có QLVNQLQ(Bùi Thị Tin);

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Đặng Minh Khoa

- Lưu hồ sơ, án văn./.